



DOI:10.22144/ctujos.2025.165

VĂN HỌC ĐÀI LOAN VÀ SỰ TIẾP NHẬN TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HỌC MIỀN NAM GIAI ĐOẠN 1954 - 1975

Trần Hoài Anh*

Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): anhhoai1108@gmail.com

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 08/06/2025

Sửa bài (Revised): 04/09/2025

Duyệt đăng (Accepted): 23/10/2025

Title: Taiwanese Literature and Its reception in the Literary life of South Vietnam (1954-1975)

Author: Tran Hoai Anh*

Affiliation(s): Ho Chi Minh City University of Culture, Viet Nam

TÓM TẮT

Trong giai đoạn 1954-1975, với một thể chế chính trị dân chủ, cởi mở, miền Nam đã tiếp nhận nhiều nền văn học Âu - Mỹ và văn học các nước phương Tây, phương Đông, trong đó có văn học Đài Loan. Trên cơ sở của lý thuyết mỹ học tiếp nhận, các trường tiếp nhận văn học Đài Loan được trình bày trong tham luận thông qua các công trình nghiên cứu hiện hữu trong đời sống văn học miền Nam 1954 - 1975 của Nguyễn Hiến Lê, Mai Chương Đức; Phan Vinh Lộc; Nguyễn Phương Khanh; Hoàng Diễm Khanh; Đào Trường Phúc,... để trả lời câu hỏi vấn đề tiếp nhận văn học Đài Loan ở miền Nam diễn ra như thế nào và có ý nghĩa gì trong đời sống văn học miền Nam, khi mà một hiện tượng của văn học Đài Loan như tiểu thuyết Quỳnh Dao đã được công chúng đón nhận một cách nồng nhiệt và trở thành hiện tượng "best - seller" trong thị trường xuất bản sách văn học ở miền Nam lúc bấy giờ.

Từ khóa: Đời sống văn học, tiếp nhận, văn học Đài Loan, văn học miền Nam 1954-1975

During the period 1954 - 1975, under a democratic and open political system, South Vietnam embraced a wide range of European and American literature, as well as literature from both Western and Eastern countries, including Taiwanese literature. Based on the theory of reception aesthetics, this paper presents the various modes through which Taiwanese literature was received in South Vietnam during the period 1954 - 1975. It draws upon existing scholarly works by Nguyen Hien Le, Mai Chuong Duc, Phan Vinh Loc, Nguyen Phuong Khanh, Hoang Diem Khanh, and Dao Truong Phuc... to examine how the reception of Taiwanese literature unfolded in South Vietnam and what significance it held in the literary life of the South. A notable example is the case of Qiong Yao's novels, which were enthusiastically embraced by the public and became best-sellers in the South Vietnamese literary market at the time.

Keywords: Literary life, reception, Southern literature 1954-1975, Taiwanese literature

1. GIỚI THIỆU

Giai đoạn 1954-1975, nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt thành hai miền Nam và Bắc Việt Nam với hai thể chế chính trị xã hội khác nhau. Miền Nam, với thể chế chính trị xã hội xây dựng trên cơ sở đa nguyên về văn hóa, cởi mở về tư tưởng, chấp nhận sự khác biệt ở nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có văn học nên đã tiếp nhận văn học của nhiều nước trên thế giới, bất luận là phương Đông hay phương Tây và thuộc thể chế chính trị nào. Thế nên, bên cạnh việc tiếp nhận văn học phương Tây và văn học Mỹ, vốn là các nước theo chế độ tư bản thì văn học các nước theo chế độ xã hội chủ nghĩa như Liên Xô, Hungari, Ba Lan, Đông Đức, ... vẫn được dịch và giới thiệu trong đời sống văn học miền Nam. Đối với văn học Đài Loan do có những điểm tương đồng không chỉ về văn hóa mà còn tương đồng về chế độ chính trị, xã hội nên văn học Đài Loan được các nhà nghiên cứu, biên khảo, lý luận, phê bình quan tâm tìm hiểu, giới thiệu trong đời sống văn học với các hình thức như xuất bản sách, đăng tải trên báo, tạp chí: *Bách Khoa*, *Văn*, *Văn học*, *Nghiên cứu văn học*, *Tin văn*,... Đây là những phương thức tiếp nhận chủ yếu văn học Đài Loan ở miền Nam, là phạm vi tư liệu được khảo sát để thẩm định sự tiếp nhận văn học Đài Loan trong đời sống văn học miền Nam lúc bấy giờ, trên cơ sở của lý thuyết mỹ học tiếp nhận như tâm đón đợi, trường tiếp nhận,...

Song, do khó khăn về việc tìm tư liệu, nên việc nghiên cứu sự tiếp nhận văn học Đài Loan ở miền Nam trước 1975 hiện nay, vẫn là một khoảng trống cần được lấp đầy, vì chưa có công trình nào tìm hiểu vấn đề này. Vì thế, đây là bài viết đầu tiên nghiên cứu việc tiếp nhận văn học Đài Loan hiện hữu trong đời sống văn học miền Nam qua trường tiếp nhận của các nhà nghiên cứu, phê bình mà có thể nhận biết ở những minh chứng sau.

2. NHỮNG TRƯỜNG TIẾP NHẬN VĂN HỌC ĐÀI LOAN Ở MIỀN NAM 1954-1975

2.1. Văn học hiện đại Đài Loan qua cái nhìn của học giả Nguyễn Hiến Lê

Có thể nói, trong đời sống văn học miền Nam, Nguyễn Hiến Lê là một trong những học giả có nhân cách và uy tín trong việc nghiên cứu văn học Trung Quốc với nhiều công trình có giá trị như: *Đại cương văn học sử Trung Quốc* (3 quyển) – 1955, *Cổ văn Trung Quốc* – 1966, *Chiến Quốc sách* (viết chung với Giản Chi) – 1968, *Sử Ký Tư Mã Thiên* (viết chung với Giản Chi) – 1970, *Tô Đông Pha* – 1970,

Nhân sinh quan và thơ văn Trung Hoa (dịch) - 1970 *Nhọ giáo một triết lý chính trị* - 1958, *Đại cương triết học Trung Quốc* (viết chung với Giản Chi) – 1965,... Ngoài những tác phẩm nghiên cứu văn học cổ điển, Nguyễn Hiến Lê còn có những công trình nghiên cứu về văn học hiện đại Trung Hoa mà chũm bài về “Tình hình văn học Đài Loan từ 1949 đến 1958” (*Bách Khoa* số 265-266 ra ngày 15/1/1968); “Giới thiệu tiểu thuyết Toàn Phong của Khương Quý” (*Bách Khoa* 267 - 268 ra ngày 15/2 và 1/3/1968); “Vài nét chính của văn học Trung Quốc hiện đại” (*Bách Khoa* số 269-270 ra ngày 15/3/1968) là những minh chứng khá thuyết phục.

Trong bộ *Văn học Trung Quốc hiện đại*, Nguyễn Hiến Lê đã phân tích kỹ các văn trào qua việc giới thiệu khoảng 50 tác giả và hai trăm tác phẩm Trung Hoa trong giai đoạn từ chính biến Mậu Tuất (1898) đến 1960, giai đoạn sôi nổi, gồm nhiều biến chuyển lớn lao nhất trong lịch sử văn học Trung Hoa. Ở bài viết của mình, Nguyễn Hiến Lê vừa giới thiệu văn học Trung Hoa, vừa đối sánh với văn học Việt Nam trong cùng thời kỳ và ông đã rút ra quy luật, đại ý là: Khi hai dân tộc có nền văn hóa như nhau, gặp những hoàn cảnh như nhau thì văn học cũng có những nét chính như nhau, cũng biến chuyển theo một đường lối như nhau, gần như là cùng một tốc độ. Nhận xét của Nguyễn Hiến Lê rất lý thú, gợi mở cho những nhà nghiên cứu văn học so sánh khi tìm hiểu văn học các dân tộc. Và theo Nguyễn (1968, p.51): “độc giả sẽ nhận thấy văn học Đài Loan từ năm 1949 gần y hệt văn học Việt Nam từ 1954-1963”.

Và trong cảm nhận của mình về văn học Đài Loan, khi giới thiệu “Tiểu thuyết Toàn Phong của Khương Quý” trên *Bách Khoa* 267 -268 ra ngày 15/2 và 1/3/1968, do Nguyễn Hiến Lê biên dịch, ông đã cung cấp một thông tin khá lý thú khi cho biết bài báo đã in 500 bản và phát hành ở Đài Loan mà ít người ở Đảo Quốc này biết đến nhưng qua nhận xét của Hồ Thích khi xác quyết văn chương Khương Quý có “lời văn trôi chảy, bút pháp mạnh mẽ khi tả hoạt cảnh và sâu sắc khi phân tích tâm lý” (Nguyễn, 1968; p.28) và khi nhà phê bình Cao Dương xếp tác phẩm của Khương Quý “vào hạng có giá trị nhất trong văn học Trung Hoa hiện đại” (Nguyễn, 1968; p.28) thì công chúng ở Đài Loan mới nhận ra tài năng của Khương Quý. Còn ở bài viết: “Vài nét chính của văn học Trung Quốc hiện đại” Nguyễn (1968) đã đề cập nhiều vấn đề của văn học Đài Loan mà theo ông từ năm 1949, ở Đài Loan: “không khí văn học thật yên tĩnh, Chính phủ không quan tâm đến văn nghệ mà văn nghệ sĩ cũng chán nản, rời thực tế mà mơ mộng hào huyền, cơ hồ như

thiếu lý tưởng. Trong mười năm từ 1949 đến 1959 chỉ có được một tác phẩm của Khương Quý và vài tác phẩm của Trương Ái Linh là có giá trị, mà Ái Linh lại ở Hương Cảng. Trong mấy năm gần đây từ 1960 trở đi, hình như ở Đài Loan, văn học đã khởi sắc một chút: một số tác giả trẻ đã thí nghiệm những khuynh hướng mới của Âu Mỹ, nhưng họ lại Âu hóa quá, không được phổ biến rộng trong dân chúng” (Nguyễn, 1968, p.46). Và, khi đối sánh tình hình văn học miền Nam với văn học Đài Loan, Nguyễn (1968) cho rằng: “Chúng ta với Đài Loan không hẹn mà cùng gặp nhau ở nhiều điểm: thiếu đường lối, thiếu tổ chức, thiếu lý tưởng, thiếu tinh thần chiến đấu, phục vụ; chính quyền muốn “nắm” văn nghệ mà không nắm được, rồi lo với văn nghệ, còn văn nghệ sĩ thì được tự do mơ mộng, một số mượn cớ làm “chứng nhân thời đại” mà “Đầu độc tinh thần thanh niên”. Có phải hoàn cảnh giống nhau thì tự nhiên văn nghệ cũng như nhau chăng?” (p.49). Đó là những cảm nghiệm về văn học Đài Loan của Nguyễn Hiến Lê đã chia sẻ qua những công trình khảo cứu của ông hiện diện trong đời sống văn học miền Nam 1954-1975. Những cảm nghiệm này cũng gợi ra nhiều điều lý thú cho các nhà nghiên cứu khi tìm hiểu văn học Đài Loan trong cái nhìn đối sánh với văn học miền Nam lúc bấy giờ để tìm ra những điểm tương đồng và dị biệt trong quy luật nghiên cứu khi tiếp nhận văn học nước ngoài.

2.2. Hồ Thích: “Khuôn mặt lớn của văn học giới Trung Hoa hiện đại”

Nói đến văn học Đài Loan, không thể không nói đến Hồ Thích, một “Khuôn mặt lớn của văn học giới Trung Hoa hiện đại”. Vì vậy, tạp chí *Văn* số 90 ra ngày 15/9/1967, có thể xem là số đặc biệt giới thiệu về cuộc đời, sự nghiệp, chính trị xã hội và văn học của Hồ Thích với người Việt Nam như một bình diện tiếp nhận văn học Đài Loan trong văn học miền Nam 1954-1975. Đó là bài viết: “Cái chết của Hồ Thích” của Mai Chương Đức và một số bài văn Hồ Thích như: “Cuộc cách mạng văn học phổ biến văn bạch thoại”; “Tám điểm sửa đổi mới văn học”; “Nếp sống mới không phải cá nhân chủ nghĩa”; “Cảm tưởng một chuyến đi”; “Sai bất đa tiên sinh” do Mai Chương Đức dịch và giới thiệu. Ngoài ra, còn có bài “Xét đoán về Hồ Thích” bằng Anh ngữ, đăng tập san *The China Quarterly* số tháng 10-12 năm 1962 của giáo sư Jerone B. Grieder, giáo sư phụ giảng về lịch sử ở trường đại học Ohio state University, Hoa Kỳ. Bản Việt ngữ của Nguyễn Công Huân, đăng tạp chí *Diễn đàn* Mỹ, tập II, số 5/1967 để độc giả miền Nam biết được một nhân cách văn chương cao quý của Đài Loan – Nhà văn Hồ Thích.

Để minh chứng cho luận điểm Hồ Thích: “là một khuôn mặt lớn của văn học giới Trung Hoa hiện đại”, Mai Chương Đức qua bài viết “Cái chết của Hồ Thích” trong lần giỗ thứ V tưởng niệm bác sĩ Hồ Thích đã khẳng định: Ông là một con người “Vì tiền đồ tổ quốc, vì hạnh phúc toàn dân đã đem hết nhiệt tâm phục vụ xứ sở. Mà đáng kể nhất là công cuộc đề xướng văn chương Bạch thoại. Không phải riêng nhân dân Trung Hoa mà cả thế giới đều xúc động khôn cùng – một ánh sao sáng trên bầu trời học thuật Á Đông rơi rụng!” (Mai, 1967, p.4). Không những thế, để xác tín hơn cho nhận định của mình về cuộc đời cao đẹp của Hồ Thích với những đóng góp của ông cho đất nước Đài Loan, Mai Chương Đức còn viện dẫn lời điều của Tổng thống Tưởng Giới Thạch, khi Bác sĩ Hồ Thích mất: “Thích chi tiên sinh thiên cổ: tân văn hóa trung cựu đạo đức đích, giai mô cựu luân lý canh tân tư tưởng đích sư biểu Tưởng Trung Chính Kính vãng (Thích chi tiên sinh nghìn thu vĩnh biệt: khuôn sáo nền đạo đức xưa trong văn hóa mới bậc thầy tư tưởng mới trong lý luận xưa Tưởng Trung Chính Kính điều)” (Mai, 1967, p.6).

Trong phần viết về cuộc đời và văn nghiệp Hồ Thích, để xác quyết giá trị về những đóng góp của ông đối với văn học Đài Loan, khi luận giải về văn chương của Hồ Thích, Mai (1967) cho rằng: “Hầu hết những bài văn của ông sáng tác nhiều nhất trong thời kỳ vận động văn hóa mới – phổ biến văn bạch thoại, vạch rõ một đường hướng tiên tiến thích hợp cho nhân dân, mang những luận chứng phương Tây và những cuộc du lịch nhận xét tường tận của ông qua các nước tân tiến” (p.7). Còn trong cảm quan của Mai Chương Đức về hành trình sáng tạo văn chương của Hồ Thích thì: “Lời văn trong sáng rõ ràng, từ lớp người bình dân đến hàng trí thức cũng có thể hiểu thấu đáo. Tuy vậy ông có những tác phẩm mang nặng tư tưởng triết học khác nào nhà văn hiện đại Lâm Ngữ Đường. Qua các loại ông sáng tác gồm nhiều bài bình luận về tình tự dân tộc, cần phải được cải hóa; thơ làm theo thể mới, tiêu thuyết chỉ chiếm địa vị rất khiêm tốn trên văn đàn” (Mai, 1967, p.7). Và theo Mai Chương Đức, Hồ Thích là nhà văn có những đóng góp đặc biệt cho đất nước Trung Hoa Dân Quốc trong buổi đầu tạo lập về phương diện văn học nghệ thuật cũng như những đóng góp hữu ích khác cho đời sống xã hội như một biểu tượng văn hóa của Trung Hoa Dân Quốc: “Về phương diện học thuật văn hóa, thuở Trung Hoa Dân Quốc mới trưởng thành. Nền học vẫn còn mới mẻ, khác với thuở triều Mãn Thanh hủ lậu với những lễ lối dạy dỗ tầm chương trích cú; gây tinh thần lụn bại trong giới cầu học. Với tinh thần

tích cực nhiệt thành, bác sĩ đề xướng văn chương bạch thoại dễ dàng diễn tả tình cảm qua sự học vấn thư từ” (Mai, 1967, p.7). Bởi, theo cảm nhận của Mai Chường Đức: “Văn cổ Trung Hoa bao gồm nhiều ý nghĩa sâu xa, làm cho người học khó có thể thấu triệt chính xác. Hồ Bác sĩ thấy cái tệ nạn này càng kéo lùi dân tộc sa vào đường chậm tiến, thua kém các nước văn minh. Nên đã mạnh dạn kêu gọi giới học thức toàn quốc hưởng ứng sôi nổi, gây phong trào bài xích cổ văn hủ lậu. Cần phải gấp rút sửa đổi, theo lối văn Bạch thoại dễ học lưu loát hơn...” (Mai, 1967, p.7). Và, có thể nói, Hồ Thích là niềm tự hào của dân tộc Trung Hoa mà trong cái nhìn của Mai Chường Đức: “Người Anh tự hào với Shakespeare, người Đức hãnh diện với chủng tộc Goth, người Pháp tự kiêu với Jean Jacques Rousseau. Đối với người Trung Hoa có Hồ Thích Bác sĩ, cảm thấy lòng dâng lên niềm tin tưởng bước tiến văn hóa của dân tộc” (Mai, 1967, p.9). Có thể nói, bài viết “Cái chết của Hồ Thích” (Mai, 1967) không chỉ thông tin về cái chết của Bác sĩ Hồ Thích đối với công chúng văn học miền Nam mà qua bài viết, Mai Chường Đức còn muốn công chúng có một cái nhìn toàn diện về cuộc đời Bác sĩ Hồ Thích ở các bình diện như: nghệ thuật, khoa học, giáo dục, chính trị, văn hóa, đạo đức,... nhưng chủ yếu là việc khẳng định những đóng góp của Hồ Thích về sáng tạo văn học. Có thể nói, đây là một trong những đóng góp quan trọng của ông trong buổi đầu xây dựng Trung Hoa Dân Quốc.

Và, để độc giả miền Nam có thể hiểu thêm về văn tài cũng như cuộc đời Hồ Thích, *Văn* số 90 ra ngày 15/9/1967, còn giới thiệu một số tác phẩm của nhà văn Hồ Thích do Mai Chường Đức dịch sang Việt ngữ như: “Hồ Thích tự thuật” nói về tiểu sử cuộc đời của Bác sĩ Hồ Thích mà: “thời niên thiếu đã trải qua những ngày tháng lận đận. Với một đại gia đình: Con anh con thiếp” đã gieo vào lòng ông những nỗi khổ tâm – nhất là đấng mẫu thân” (Mai, 1967, p.10). Tình cảm đối với mẹ là tình cảm đặc biệt thiêng liêng trong trái tim Hồ Thích và điều này được Mai Chường Đức chia sẻ ở dịch phẩm “Mẹ! nước mắt chảy quanh”, trong đó có những chi tiết khá cảm động: “Nỗi lòng thương nhớ mẹ của Hồ Thích thật rạt rào, ông sinh ra và lớn lên hình bóng người hiền mẫu lúc nào cũng ám ảnh bên ông” (Mai, 1967, p.51). Ngoài ra, trong *Văn* số 90 (15/9/1967) ở mục “Đọc văn Hồ Thích” còn có các bài: “Cuộc cách mạng văn học phổ biến văn bạch thoại”, “Tám điểm sửa đổi mới văn học”, “Nếp sống mới không phải cá nhân chủ nghĩa”, “Cảm tưởng một chuyến đi”, “Sai bất đa tiên sinh” đều do Mai Chường Đức dịch. Những dịch phẩm này giúp công chúng có

điều kiện tiếp nhận văn chương Hồ Thích toàn diện hơn. Hồ Thích mất đi nhưng nhân cách cao cả và sự nghiệp văn học của ông luôn tồn tại trong lòng công chúng yêu văn học ở Đài Loan và trên thế giới, trong đó có công chúng văn học miền Nam 1954-1975.

2.3. Quỳnh Dao và việc tiếp nhận văn chương Quỳnh Dao ở miền Nam

Có thể nói, trong đời sống văn học miền Nam giai đoạn 1954-1975, hai hiện tượng văn học có sức cuốn hút “lạ kỳ” đối với công chúng đó là tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung (Hồng Kông) và tiểu thuyết diễm tình của Quỳnh Dao (Đài Loan). Sách của hai nhà văn này có sức “mê hoặc” tâm thức độc giả ở mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi. Song, tiểu thuyết Quỳnh Dao vẫn có một chỗ đứng riêng trong lòng công chúng. Vì vậy, trên tạp chí *Tin văn* số 3 ra ngày 6 tháng 7 năm 1966, nhà văn Vi Huyền Đắc trong dịch phẩm “Yêu là hy sinh” của Quỳnh Dao đã có lời giới thiệu khá trân trọng: “Quỳnh Dao là một nữ tác giả, người Hồ Nam, sinh năm 1938. Ngay từ nhỏ đã có khiếu về văn học nên tới tuổi đôi chín, nữ sĩ có một căn bản khá thâm hậu về văn cũng như về thi từ. Bắt đầu sáng tác là được hoan nghênh nhiệt liệt: tác giả Quỳnh Dao được các nhà phê bình suy trọng, độc giả tán thưởng. Báo chí tranh nhau đăng tải những thi ca, truyện ngắn, truyện dài của nữ sĩ. Ngoài các đoàn thiên mà người dịch giới thiệu sau đây, tác giả đã cho xuất bản những bộ truyện *Song ngoại, Yên vũ mộng mộng, Hạnh vận thảo, Thổ ty hoa...*” (Vi, 1966, p.101).

Năm 1972, tạp chí *Văn học*, một trong những tạp chí nghiên cứu phê bình sáng tác văn học khá nổi tiếng ở miền Nam giai đoạn 1954-1975, đã xuất bản một số đặc biệt với chủ đề “Hiện tượng đọc truyện Quỳnh Dao” với các bài viết: “Quỳnh Dao là ai” của Nguyễn Phương Khanh; “Một chung trà, một ngọn đèn, một cây bút” của Sơn Phụng do Vi Huyền Đắc dịch; “Một chút tâm tình với Quỳnh Dao” của Mộc Thủ Tâm; “Thơ của Quỳnh Dao gửi cho dịch giả H.D.K.; Tại Sao tôi dịch tiểu thuyết của Quỳnh Dao? của Hoàng Diễm Khanh; “Quỳnh Dao, một nhà văn không ngừng lột xác” của Hoàng Huy và giới thiệu hai tác phẩm của Quỳnh Dao đó là truyện ngắn *Hai chuyến xe* do Hoàng Diễm Khanh dịch và truyện ngắn *Yêu là hy sinh* do Vi Huyền Đắc dịch.

Trong bài viết “Hiện tượng đọc truyện Quỳnh Dao” như một lời đề từ giải thích vì sao tạp chí *Văn học* cho xuất bản số chủ đề về Quỳnh Dao, Phan Vinh Lộc luận giải: “Mấy năm trước đây truyện kiếm hiệp của Kim Dung cũng được độc giả Sài Gòn say mê tìm đọc. Đến nỗi các báo phải tranh

nhau độc quyền đăng truyện của Kim Dung để câu độc giả. Nếu nhật báo nào không có truyện kiếm hiệp Kim Dung là coi như khó sống (...) Đến nay một lần nữa chúng tôi lại thấy xuất hiện một hiện tượng đọc truyện Trung Hoa ở Sài Gòn. Nhưng không phải truyện kiếm hiệp mà là truyện tình của một nhà văn nữ là Quỳnh Dao (...) và đi đâu, ở nhà, ra phố chỗ nào tôi cũng nghe nhắc đến Quỳnh Dao. Tôi thầm nghĩ chắc truyện Quỳnh Dao phải hay và hấp dẫn lắm mới xâm nhập vào mọi nơi và được thiên hạ tìm đọc và nhắc đến nhiều như thế” (Phan, 1972, p.1-2). Những điều chia sẻ của Phan Vĩnh Lộc đã xác quyết một thực tế không thể phủ nhận, đó là sự hiện hữu của tác phẩm Quỳnh Dao trong đời sống văn chương ở miền Nam 1954-1975 như một tâm thức văn hóa mang ý nghĩa hiện sinh trong cảm thức của công chúng, nhất là giới trẻ và phụ nữ đô thị ở miền Nam lúc bấy giờ. Vì thế, theo Nguyễn Phương Khanh trong bài viết “Quỳnh Dao là ai” đã cho rằng Quỳnh Dao cũng như một số nhà văn Trung Hoa khác có tác phẩm được chọn dịch sang Việt ngữ: “Nhưng trường hợp Quỳnh Dao đặc biệt hơn các nhà văn Trung Hoa khác... Lỗ Tấn là nhà văn xã hội cách mạng đã có tác phẩm AQ làm thế giới kinh nể nhưng khi dịch sang Việt ngữ cũng chỉ được một số trí thức chọn đọc thôi. Rồi đến Lý Bạch, Đỗ Phủ với mấy bài thơ Đường cũng chỉ được mấy cụ già ngâm nga và mai một. Và gần đây Lâm Ngữ Đường, Từ Vu... những tác phẩm của họ cũng chẳng được ai chú ý nên sách của họ dịch ra Việt ngữ đã phải bán son trên hè phố. Thế mà trái lại Quỳnh Dao, một nhà văn nữ, thuộc lớp mới của làng văn Trung Hoa lại được nhiều người nhắc đến. Không cứ gì người Việt Nam hiếu kỳ ái mộ mà ngay cả người Trung Hoa họ cũng có vẻ ái mộ Quỳnh Dao. Họ ái mộ Quỳnh Dao đến độ tác phẩm của Quỳnh Dao in ra là họ tranh nhau mua đọc” (Nguyễn, 1972, p.6). Và để minh chứng rõ hơn sự hấp dẫn “kỳ lạ” của tác phẩm Quỳnh Dao không chỉ đối với độc giả Việt Nam mà còn đối với độc giả Trung Hoa, tình trạng Quỳnh Dao giả trên thị trường sách ở Việt Nam và cả ở Trung Hoa cũng được đề cập. Theo Nguyễn Phương Khanh: “Quỳnh Dao hiện là nhà văn nữ đang được ái mộ tại Trung Hoa nên sách của cô in ra được bày bán ở Hồng Kông, Đài Bắc, Đài Loan... Vì tác phẩm của Quỳnh Dao bán quá chạy nên hiện nay ở Hồng Kông đã xuất hiện gần 30 cuốn tiểu thuyết giả tên Quỳnh Dao. (...) Hành động “đạo tên” Quỳnh Dao hiện nay ở Sài Gòn cũng đang xuất hiện” (Nguyễn, 1972, p.8). Có thể nói, đây là một hiện tượng “đáng buồn” của quá trình tiếp nhận văn học Đài Loan trong đời sống văn học miền Nam trước 1975 qua hình thức dịch thuật tác phẩm Quỳnh Dao ở Việt Nam, làm cho việc tiếp nhận văn chương Quỳnh

Dao trong đời sống văn học miền Nam chưa thật sự hoàn mỹ. Luận bàn về nguyên nhân của vấn đề này, Nguyễn Phương Khanh cho rằng: “Độc giả là lớp người vốn dễ giải và lớp người này ở đâu cũng thế. Không cứ gì độc giả ở Hồng Kông, Đài Loan mà ở Sài Gòn chúng ta cũng đang bị làm mua phải và đọc những truyện “Quỳnh Dao giả” (Nguyễn 1972, p.8).

Hiện tượng “Quỳnh Dao giả” cũng được Hoàng Diễm Khanh trong bài viết “Tại sao tôi dịch tiểu thuyết Quỳnh Dao” chia sẻ: “Trong truyện của Quỳnh Dao, chúng ta đã đọc được những nét hàm súc phát xuất từ cá tính của người viết truyện. Thế mà, có một đạo, người ta đã lạm dụng danh nghĩa của Quỳnh Dao để in bán những loại sách “Quỳnh Dao giả” mà Quỳnh Dao đọc qua đã kêu lên: “Cả đời tôi không thể nào viết “nôi” một quyển sách thế này!”. Vì vậy, nếu không đọc quen văn của Quỳnh Dao, rất dễ bị làm khi đứng trước những sạp sách báo bày bán hàng trăm tác phẩm dị biệt của Quỳnh Dao” (Hoàng, 1972b, p.41).

Có lẽ, do văn chương của Quỳnh Dao quá hấp dẫn đối với người đọc và sách của bà đã thu hút độc giả trên thị trường xuất bản lúc bấy giờ nên “hiện tượng lợi dụng tên Quỳnh Dao để kiếm ăn” của những “nhà “đạo tên” con buôn văn nghệ” là điều khó tránh khỏi. Chính điều này càng khẳng định giá trị tác phẩm của Quỳnh Dao. Vì thế, trong bài viết “Một chút tâm tình với Quỳnh Dao” trên bán nguyệt san Việt ngữ - Văn, Mộc Thủ Tâm đã khái quát về phẩm tính văn chương nữ sĩ Quỳnh Dao: “Quỳnh Dao là một nhà tâm lý học. Ngọn bút của cô đã ghi nhận nét chấm phá đối với tình người, tình đời thật là tế nhị, sâu sắc một cách uyển chuyển, một cách nồng hậu dễ thương. Cái tình cảm đó nó không bạo cuồng trong cơn tình dục sa đọa. Nó cũng không nức nở như những mối tình tuyệt vọng thiên thu, mà nó là những bài học đáng cho độc giả chiêm ngưỡng” (Moc, 1972, p.32-33). Và theo Moc (1972), cách đây 4 năm (1968), theo tạp chí Hoa văn “Kim nhựt thế giới” xuất bản tại Hồng Kông khi phỏng vấn về văn nghiệp của Quỳnh Dao đã ghi nhận: “Nếu so sánh ý kiến phân đông độc giả, có thể nói rằng hiện tại Quỳnh Dao là một nhà văn thành công nhất của Trung Hoa tự do” (Moc, 1972, p.33). Bài viết của Mộc Thủ Tâm không chỉ chia sẻ những giá trị văn chương của Quỳnh Dao từ sự tiếp nhận của người đọc mà còn cho biết trong các nhà văn Trung Hoa hiện nay: “với số tác phẩm được quay thành phim, đáng kể nhất có một Quỳnh Dao” (Moc, 1972, p.35). Đây cũng là một lĩnh vực khác thể hiện tài năng của Quỳnh Dao được các nhà nghiên cứu giới thiệu với độc giả Việt Nam. Không những thế, các phim chuyển thể từ tác phẩm của

Quỳnh Dao cũng được người Việt Nam ái mộ hết sức nồng nhiệt và trở thành những hoài niệm, những ký ức văn hóa trong sự tiếp nhận của các tầng lớp công chúng độc giả mà đặc biệt là giới trẻ.

Riêng về lĩnh vực sáng tạo văn chương, với tư cách là dịch giả chuyển ngữ nhiều tác phẩm tiểu thuyết và truyện ngắn của Quỳnh Dao sang Việt ngữ, giới thiệu với độc giả miền Nam trong giai đoạn 1954-1975, có lẽ hơn ai hết, Hoàng Diễm Khanh có đủ tư cách xác tín giá trị văn chương của Quỳnh Dao mà theo dịch giả: “Nếu chúng ta không đòi hỏi một sự toàn bích trong phạm vi văn chương thì tác phẩm của nữ sĩ Quỳnh Dao có thể được liệt kê vào hàng “giai tác”. Một giai tác đòi hỏi những điều kiện như là: Cốt truyện hay. Tình tiết hấp dẫn. Lời văn nhẹ nhàng. Bố cục khéo và kết cấu chu đáo. Trong tác phẩm của Quỳnh Dao. Nếu người đọc không quá khó tính, có thể nhận thấy Quỳnh Dao đã hội đủ những điều kiện trên để đi đến thành công một cách hết sức tự nhiên” (Hoang, 1972b, p.40). Cũng theo Hoàng Diễm Khanh, đối sánh với các nhà văn Trung Hoa cùng thế hệ: “Quỳnh Dao đã thành công quá sớm so với tuổi thành công của những nhà văn lớn ở Trung Hoa. Diễm này là một vinh dự cho riêng Quỳnh Dao và cũng là một khích lệ lớn lao cho các nhà văn trẻ hiện đại” (Hoang, 1972b, p.40). Và, để lý giải cho sự thành công trên con đường văn chương của Quỳnh Dao trong việc chinh phục người đọc của nhiều nước trên thế giới, Hoàng Diễm Khanh cho rằng điều thiết yếu nhất trong hành trình sáng tạo của Quỳnh Dao đó là: “lối làm việc siêng năng và chịu khó, cẩn thận của Quỳnh Dao. Mặc dầu bây giờ Quỳnh Dao đã nổi danh, truyện viết không cần phải trau chuốt mấy vẫn có người đọc. Thế mà Quỳnh Dao vẫn giữ nguyên lối làm việc cẩn mẫn, không viết những truyện mình không thích hay không biết, cũng như từ chối bán những bản thảo mà mình không vừa ý” (Hoang, 1972b, p.41). Còn trong cái nhìn của Hoàng Huy, sở dĩ Quỳnh Dao gặt hái được nhiều thành công trong sáng tạo văn chương của mình bởi Quỳnh Dao là “một nhà văn không ngừng lột xác” và “đã có một thái độ làm cho chúng ta mến phục. Đáng cho nhiều nhà văn khác kính nể noi theo. Đó là sự thay đổi trong ngòi bút. Có lẽ Quỳnh Dao nhìn thấy một đường mòn tuy êm dịu nhưng nguy hiểm cho văn tài” (Hoang, 1972a, p.43). Như vậy, thành công trong văn nghiệp của Quỳnh Dao không phải tự nhiên mà có! Đó là sự kết tinh của một quá trình tích lũy vốn sống, vốn tri thức, biết vượt qua những trở ngại, những thị phi của cuộc đời, không ngừng rèn luyện mài sắc ngòi bút, không chấp nhận lặp lại mình trong hành trình sáng tạo để kiến tạo cho mình

một vũ trụ văn chương riêng trong tâm thức người đọc. Nói như Hoàng Huy: “Một nhà văn khi nổi tiếng thường có thái độ tự bằng lòng với chính mình. Đó là cách tự đánh lừa mình. Họ buông xuôi không cố gắng muốn tìm tòi sáng tác những gì mới lạ, cứ đường thẳng họ bước tới. Họ không ngờ đó cũng là một con dốc đang đổ xuống một cách lặng lẽ” (Hoang, 1972a, p.44). Đây là điều hoàn toàn khác với hành trình sáng tạo văn chương của Quỳnh Dao. Có thể nói Quỳnh Dao là một nhà văn luôn tự đổi mới mình và xem đây là một phẩm tính trong những dự phóng sáng tạo của nhà văn. Vì thế, theo Hoàng Huy: “Một ngòi bút biết đến dần đo thận trọng và luôn luôn tìm cách lột xác như Quỳnh Dao nhất định sẽ tránh được sự nhàm chán của độc giả và tên tuổi khó bị lãng quên” (Hoang, 1972a, p.46). Thực tế sự hiện hữu của tác phẩm Quỳnh Dao trong trường tiếp nhận của độc giả những năm qua ở đời sống văn học miền Nam đã xác tín cho nhận định của Hoàng Huy.

Nói về ảnh hưởng của văn chương Quỳnh Dao đối với sự tiếp nhận của công chúng Việt Nam, theo Hoàng Huy trong số gần 20 tác phẩm vừa truyện dài, truyện ngắn của Quỳnh Dao đã xuất bản thì “Nhiều quyển đã được dịch sang tiếng Việt và đã gây thành một “mốt” đọc truyện Quỳnh Dao trong vòng mấy năm nay. Mấy nhà xuất bản đã tranh nhau dịch truyện Quỳnh Dao để thỏa mãn thị hiếu của độc giả, nhất là phái nữ. Tên tuổi của nữ sĩ này được khá nhiều độc giả nhắc đến, nhất là phái nữ khắp Đông Nam Á ái mộ truyện của Quỳnh Dao” (Hoang, 1972a, p.43). Và để minh chứng cho ảnh hưởng của tác phẩm Quỳnh Dao cũng như sự ái mộ của công chúng đối với Quỳnh Dao ở nhiều nước, trong đó có công chúng văn học miền Nam giai đoạn 1954-1975, bên cạnh số chuyên đề về Quỳnh Dao của tạp chí *Văn học* 156/1972, còn có tiểu luận *Hiện Tượng Quỳnh Dao* của Đào Trường Phúc (Khai Hóa xuất bản, Sài Gòn, 1973), nhằm trả lời các câu hỏi nghiên cứu: Quỳnh Dao là ai?, Quỳnh Dao “thật” – Quỳnh Dao “giả”, Tại sao tiểu thuyết Quỳnh Dao trở thành hiện tượng “best - seller”? Đây cũng là những vấn đề đã được các nhà nghiên cứu, các dịch giả khi tiếp cận tác phẩm Quỳnh Dao đã đặt ra và luận giải trong số chủ đề: “Hiện tượng đọc truyện Quỳnh Dao” trên *Văn học* số 156/1972, như một bình diện lý giải về trường tiếp nhận của công chúng Việt Nam đối với tác phẩm Quỳnh Dao. Để trả lời câu hỏi này, Đào Trường Phúc nêu vấn đề: “Người ta có thể đặt một câu hỏi rất giản dị: Tại sao một tác giả trẻ như Quỳnh Dao, mà bút pháp không có vẻ gì độc đáo cho lắm, khai thác một đề tài cũng không lấy gì làm mới lạ, lại tạo được một thành công đáng kể đến thế?” (Dao, 1973, p.5). Và

cũng như các nhà nghiên cứu, khi tiếp cận tác phẩm Quỳnh Dao, Đào Trường Phúc đã tìm câu trả lời từ trường tiếp nhận của độc giả trong mối quan hệ với nhà văn và tác phẩm mà ở đây là mối quan hệ giữa người đọc với văn chương Quỳnh Dao khi Đào Trường Phúc xác quyết: “hiển nhiên là Quỳnh Dao đã gây sự chú ý, một sự chú ý khá lâu dài và đôi lúc gần đến độ say mê, không những của độc giả Trung Hoa mà còn của độc giả ở một số quốc gia khác. Điều này thiết tưởng không thể chỉ được giải thích bằng tính hiếu kỳ. Ít ra đó cũng là sự kiện chứng minh rằng Quỳnh Dao quả đã tạo được một sợi dây liên lạc mật thiết với độc giả, qua các tác phẩm của bà, và các tác phẩm ấy hẳn là đã đáp ứng được một hay những nhu cầu tinh thần nào đó của quần chúng” (Dao, 1973, p.6).

Một vấn đề khá lý thú, cũng gắn với việc tiếp nhận tác phẩm Quỳnh Dao trong đời sống văn học miền Nam được Đào Trường Phúc đặt ra trong suy niệm của mình, đó là: “Quỳnh Dao có thật là một hiện tượng hay không và hiện tượng Quỳnh Dao nếu có nên được coi như một trường hợp văn học hay chỉ nên được coi như một trường hợp về xuất bản? Ở đây có thể ghi nhận hai thái độ cực đoan tiêu biểu: Thái độ thứ nhất hoàn toàn phủ nhận giá trị văn học của tác phẩm Quỳnh Dao để chỉ nhìn những tác phẩm ấy như một sự kiện thương mại; trong khi thái độ thứ hai thì lại nhiệt liệt xưng tụng Quỳnh Dao như một sứ giả của văn chương, ít ra là đối với những vấn đề thuộc lãnh vực tâm cảm” (Dao, 1973, p. 6 -7). Từ thực tiễn việc tiếp nhận văn chương Quỳnh Dao trong đời sống văn học miền Nam 1954-1975, theo Đào Trường Phúc : “Không chọn bất cứ thái độ nào trong hai thái độ cực đoan nói trên” và theo tác giả: “Thứ nhất sự phán đoán phê bình khen chê của độc giả Việt Nam đối với Quỳnh Dao có thể vấp phải một ngộ nhận đáng tiếc, bởi lẽ không phải tất cả những cuốn sách mang tên Quỳnh Dao lưu hành tại Việt Nam đều là những tác phẩm thực sự của Quỳnh Dao” (Dao, 1973, p. 7). Bởi, một lẽ giản đơn, theo Đào Trường Phúc: “Bút hiệu Quỳnh Dao đã bị ngụy tạo trên một số ấn phẩm và sự ngụy tạo này hoặc đã phát xuất từ Hương Cảng hoặc đã được thực hiện ngay tại Việt Nam. Thứ hai vì làm công việc khen chê Quỳnh Dao và thẩm định giá trị tác phẩm Quỳnh Dao, một cách quá khích và chủ quan, thiết tưởng chúng ta nên nhìn người nữ văn sĩ đó ở cái vị trí mà chính bà đã xác định cho mình, cũng như nên theo dõi tiến trình những tác phẩm ấy qua cái chiều hướng rõ rệt mà chính bà đã tự vạch ra khi sáng tác, căn cứ vào những sự phát biểu chính thức trong một vài tài liệu thu thập được” (Dao, 1973, p.8).

Luận bản về trường tiếp nhận Quỳnh Dao ở Việt Nam, nhìn từ việc xuất bản tác phẩm của nữ nhà văn trong đời sống văn chương miền Nam lúc bấy giờ, theo tường trình của Đào Trường Phúc: “Bản dịch của cuốn *Thổ Ty hoa* của Quỳnh Dao (*Cánh hoa Chùm gửi*, Liêu quốc Nhĩ dịch, Khai Hóa xuất bản) đã được in tới lần thứ ba. So với tầm mức xuất bản của cùng cuốn này ở Đài Bắc (tái bản mười lăm lần) hay của những cuốn khác như *Lục Cá Mộng* (tái bản mười hai lần) *Kỷ Độ Tịch Dương Hồng* (tái bản mười lăm lần), chúng ta thấy số lượng độc giả của Quỳnh Dao ở Việt Nam chưa đạt tới mức phi thường, tuy rằng đó cũng đã là một trường hợp best – seller hiếm có. Điểm đáng ghi nhận ở đây là, thật ra Quỳnh Dao đã được độc giả Việt Nam đón tiếp một cách hơi muộn màng. Quỳnh Dao đến với độc giả Việt Nam lần đầu tiên qua tạp chí *Văn số* 68 ra ngày 15/10/1966. Trong số báo này, qua bản dịch của Vi Huyền Đắc, người ta thường thức một bài giới thiệu Quỳnh Dao do Sơn Phụng viết cùng với bốn truyện ngắn của Quỳnh Dao: *Mộng*; *Cái Nốt Ruồi*; *Ghét*; *Chiếc Lọ Cổ*” (Dao, 1973, p.12).

Và cũng theo Đào Trường Phúc: “Một thời gian ngắn sau, lại thấy một truyện dài của Quỳnh Dao *Song Ngoại* được dịch và được nhà Hàn Thuyên xuất bản. Dịch phẩm này gần như không được mấy ai chú ý tới, lại bằng đi một thời gian. Rồi bỗng nhiên vào một lúc nào đó, sau khi nhà Khai Hóa xuất bản hai tác phẩm khác *Tiền Phong*, *Thổ Ty Hoa*, cùng *Song Ngoại* được in lại. Thế là nhảy từ việc theo dõi bản dịch *Thổ Ty Hoa* dưới hình thức *feuilleton* trên tuần báo *Đời*, độc giả Việt Nam đổ xô nhau đi mua sách của Quỳnh Dao. Đánh hơi được cái thị hiếu bất ngờ này, những nhà xuất bản khác cũng lập tức thi nhau cho ra đời một loạt những cuốn tiểu thuyết mang tên Quỳnh Dao. Ít nhất đã có chừng sáu bảy nhà xuất bản làm công việc đó: Trí Đăng; Đất Lành; Vàng Son, Chiêu Dương; Quỳnh Dao... Việc làm ồ ạt, lẽ tất nhiên khó tránh được những sơ suất...” (Dao, 1973, p.12-13). Tình hình trên đã cho thấy tầm ảnh hưởng và sự ái mộ tác phẩm của Quỳnh Dao của công chúng văn học ở miền Nam sôi nổi và hào hứng như thế nào! Đúng là Quỳnh Dao và tác phẩm của Bà đã trở thành một hiện tượng hiếm có trong đời sống văn học miền Nam lúc bấy giờ.

Sở dĩ có được điều này, ngoài sức hấp dẫn của văn chương Quỳnh Dao còn có tình cảm của công chúng dành cho nhà văn cũng như tình cảm của nhà văn dành cho Việt Nam. Vì vậy, khi nói về tình cảm của Quỳnh Dao đối với Việt Nam, theo Hoàng Diễm Khanh, một trong những niềm yêu thích của Quỳnh Dao là đi du lịch và đã đi qua nhiều nước Âu

Á. Đối với Quỳnh Dao đi du lịch là một phương thức tích lũy vốn sống cho hành trình sáng tạo văn chương của mình. Và khi Hoàng Diễm Khanh trao đổi với Quỳnh Dao: “Tại sao Quỳnh Dao không đến viếng Sài Gòn, có phải vì ngại chiến tranh hay không? Quỳnh Dao trả lời là chị không đồng ý với ý nghĩ của tôi. Quỳnh Dao rất mến Việt Nam, và hy vọng sẽ có ngày đặt chân đến quốc gia này. (...) Mong rằng có một ngày nào đó, thời cuộc lắng dịu hơn, Quỳnh Dao sẽ đến viếng Việt Nam. Nơi có rất nhiều độc giả hải ngoại dành nhiều cảm tình cho Quỳnh Dao” (Hoàng Diễm Khanh “Tại sao tôi dịch tiểu thuyết Quỳnh Dao”, *Văn học* số 156/1972, p.41). Phải chăng chính từ tâm cảm này, độc giả văn học miền Nam yêu mến văn chương Quỳnh Giao!

3. KẾT LUẬN

Trong những năm 1954-1975 cùng với sự hiện hữu nhiều nền văn học các nước trên thế giới cả phương Tây lẫn phương Đông, văn học Đài Loan đã có một chỗ đứng nhất định trong đời sống văn học miền Nam. Sự tiếp nhận của công chúng ở miền Nam đối với văn học Đài Loan, mà đặc biệt là việc tiếp nhận tác phẩm của nữ nhà văn Quỳnh Dao là sự tiếp nhận của các chủ thể có những điểm tương đồng về văn hóa mà mẫu số chung là văn hóa phương Đông và thể chế chính trị xã hội dân chủ tư sản. Chính điểm tương đồng này là cơ sở để tạo nên một trường tiếp nhận cởi mở đối với văn học Đài Loan mà sự chiếm lĩnh của văn học Đài Loan trên thị phần sách, báo tạp chí xuất bản ở miền Nam lúc bấy giờ là một xác chứng. Và không chỉ có những ấn phẩm sách báo văn học ở Đài Loan được người đọc tiếp nhận mà những phim ảnh Đài Loan trong giai đoạn này cũng được công chúng miền Nam tiếp nhận một cách nồng nhiệt, nhất là những phim được chuyển thể từ tiểu thuyết của nữ văn sĩ Quỳnh Dao như: *Mùa thu lá bay*, *Xóm vắng*; *Hải Âu phi xứ*, ...

Từ sau 1975, do những biến động về tình hình chính trị xã hội, việc tiếp nhận văn học Đài Loan có sự đứt gãy ở miền Nam một thời gian. Nhưng từ khi

Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới, mở cửa giao lưu đối với các nền văn hóa trên thế giới, văn học hiện đại Đài Loan, không chỉ có tác phẩm Quỳnh Dao mà nhiều tác phẩm của các nhà văn hiện đại khác thông qua: “Dự án hỗ trợ xuất bản và biên dịch văn học Đài Loan” do Bảo tàng Văn học Quốc gia Đài Loan chủ trì đã đến với công chúng yêu văn học ở Việt Nam trên phạm vi cả nước. Nhiều tác phẩm cả sáng tác và nghiên cứu của các nhà văn: Cửu Bả Đao, Vương Định Quốc, Diệp Thạch Đào, Thái Trí Hằng, Ngô Thịnh, Bạch Tiên Dũng, Trần Tường Khánh, Ngô Minh Ích, Tường Vi Văn, ... được dịch và giới thiệu ở Việt Nam. Song, tác phẩm của Quỳnh Dao vẫn chiếm một vị trí đặc biệt trong sự tiếp nhận của công chúng văn học Việt Nam với hàng trăm tác phẩm được các nhà xuất bản: Văn hóa Văn nghệ TP. HCM, Hội Nhà văn, Phụ nữ, Phương Đông, Đại học Sư Phạm TP. HCM, Thanh niên, Trẻ, Văn học, Lao động, ... in và phát hành trên thị trường. Điều này đã minh chứng, không chỉ trong những năm 1954-1975, văn học Đài Loan mới được tiếp nhận ở miền Nam mà cho đến hôm nay trên phạm vi cả nước, văn học Đài Loan vẫn có một vị trí xứng đáng trong thị phần sách xuất bản và trong tâm thức của công chúng văn học Việt Nam. Đây là điều, không phải nền văn học nước nào cũng có được. Vấn đề này đặt ra những tiền đề cho việc giao lưu văn hóa Việt – Đài, không chỉ trong quá khứ mà cả trong hiện tại và tương lai. Song, dù sao thì sự hiện hữu của văn học Đài Loan trong đời sống văn học miền Nam giai đoạn 1954-1975 vẫn có một vị trí quan trọng, trong việc đặt những viên gạch mở đầu làm nền tảng cho sự tiếp nhận văn học Đài Loan ở Việt Nam cũng như kiến tạo mối giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và Đài Loan. Thế nên việc tìm hiểu sự tiếp nhận văn học Đài Loan trong văn học miền Nam 1954 -1975 là điều không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn có ý nghĩa thực tiễn để kết nối và mở rộng mối quan hệ giao lưu văn hóa giữa Việt Nam - Đài Loan trong xu thế hội nhập của thời kỳ toàn cầu hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)

- Dao, P. T. (1973). *The Quynh Dao Phenomenon*. Khai Hoa Publishing House, Saigon (in Vietnamese).
- Hoang, H. (1972a). *Quynh Dao, a Writer in Constant Transformation*. Literature (in Vietnamese).
- Hoang, K. D. (1972b). *Why I translate Quynh Dao's Novels*. Literature (in Vietnamese).
- Jerone, B. G. (1967). *Judging on Ho Thich* (in Vietnamese).
- Moc, T. T. (1972). *A Few Favors for Quynh Dao*. Literature (in Vietnamese).
- Mai, D. C. (1967). *The Death of Ho Thich*. Literature (in Vietnamese).
- Nguyen, K. P. (1972). *Who is Quynh Dao?* Literature, (in Vietnamese).
- Nguyen, L. H. (1955). *Outline of Chinese Literary History* (3 volumes). Nguyen Hien Le Publishing House, Saigon (in Vietnamese).
- Nguyen, L. H. (1968a). *Taiwanese Literature from 1949 to 1958*. Bach Khoa (in Vietnamese).
- Nguyen, L. H. (1968b). *Introduction to the Novel "Toan Phong" by Khuong Quy*. Bach Khoa (in Vietnamese).
- Nguyen, L. H. (1968c). *Outline of Modern Chinese Literature*. Bach Khoa (in Vietnamese).
- Phan, L. V. (1972). *The Phenomenon of Reading Quynh Dao's Stories*. Literature (in Vietnamese).
- Vi, D. H. (6/7/1966). *Literary News* (in Vietnamese).